

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN M
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26-5-2020.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*” .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, TP CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Thị Hồng Nương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Tân An**.

2. Bà **Võ Thị Thúy Đoan**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thu Hiền**- Thư ký Tòa án nhân dân Quận M, TP Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận M tham gia phiên tòa- ông **Nguyễn Thành Phước**- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận M tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 1 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu P**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: khu vực T, phường P, quận M, TP Cần Thơ (*có mặt*).

- Bị đơn: Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: khu vực T, phường P, quận M, TP Cần Thơ (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn chị Trần Thị Thu P trình bày: Chị và anh Trần Văn B là vợ chồng sống chung vào năm 1998, nhưng đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, TP Cần Thơ.

Thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, anh chị có 02 người con chung là Trần Thanh Dáng T, sinh ngày 26/3/1999 và Trần Gia K, sinh ngày

30/12/2000. Đến năm 2017, anh Trần Văn B bỏ gia đình ra đi và đi đâu không rõ địa chỉ, chị đã tìm kiếm mọi nơi cũng không có tin tức gì. Để B đảm quyền và lợi ích của mình, chị P đã yêu cầu Tòa án nhân dân Quận M tuyên bố anh Trần Văn B bị mất tích. Tại quyết định số 11/2019/QĐST-VDS ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân quận M đã tuyên bố anh Trần Văn B mất tích. Nay chị P yêu cầu được ly hôn với người mất tích là anh Trần Văn B theo quy định của pháp luật.

Về con chung: có 02 con chung là Trần Thanh Dáng T, sinh ngày 26/3/1999 và Trần Gia K, sinh ngày 30/12/2000. Nay các con chung đã trưởng thành nên chị P không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: chị P trình bày không có tài sản chung và cam kết không có vay nợ chung.

Về phía bị đơn: Anh Trần Văn B đã bị Tòa án tuyên bố mất tích từ ngày 18 tháng 11 năm 2019. Theo Biên bản xác minh ngày 10/1/2020, công an Phường P, quận M, TP Cần Thơ xác nhận anh B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu vực T, phường P, quận M, TP Cần Thơ nhưng anh B đã đi khỏi tại địa P từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay, khi đi không thông báo cho chính quyền địa P biết nên đến nay chính quyền địa P không có thông tin, không biết đi đâu, làm gì. Tòa án thụ lý vụ án và đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự theo quy định nhưng anh B vẫn vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự được B đảm đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng luật định, việc niêm yết văn bản tố tụng đúng thời hạn, không có kiến nghị gì. Về nội dung đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị P được ly hôn với anh Trần Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng:* Tòa án thụ lý là đúng thẩm quyền, do anh Trần Văn B bị tuyên bố mất tích nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 207, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Thu P và anh Trần Văn B có thời gian chung sống vợ chồng từ năm 1998, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, TP Cần Thơ nên quan hệ vợ chồng được pháp luật thừa nhận. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và anh B đã bỏ nhà ra đi biệt tích hơn 02 năm qua, nên chị P xin ly hôn với anh B. Căn cứ quyết định số 11/2019/QĐDS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa

án nhân dân quận M đã tuyên bố anh Trần Văn B mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật, đến nay vẫn không có tin tức của anh B đang ở đâu, anh B vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, chị Trần Thị Thu P yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn B là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị P tự xác định hai vợ chồng có 02 người con chung là Trần Thanh Dáng T, sinh ngày 26/3/1999 và Trần Gia K, sinh năm 30/12/2000, các con chung đã trưởng thành và chị không yêu cầu giải quyết về con chung nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị P xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh B vắng mặt. Do đó, về tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu và theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015.

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Thu P được ly hôn với anh Trần Văn B.

2. *Về con chung*: Chị P tự xác định anh chị có 02 người con chung là Trần Thanh Dáng T, sinh năm ngày 26/3/1999 và Trần Gia K, sinh ngày 30/12/2000. Do các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên đương sự có yêu cầu và theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị Thu P phải chịu án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*). Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 010740 ngày 6/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận M, thành phố Cần Thơ. Chị Trần Thị Thu P đã nộp xong án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Trần Thị Thu P có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Văn B vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án theo luật định, để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân Quận M,
- Chi cục THA quận M,
- Đương sự,
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Nương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hồng Nương

Nơi nhận:
THẨM

- VKS nhân dân Quận M,
- Chi cục THA quận M,
- Đường sự,
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

P Văn Chính